TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 15 - 4 - 2026
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Bính

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Xuân Huế và bà Trương Thị Đào Vi

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Huế.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Huế*:** ông Trần Quang Hoà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Huế (số A T, phường T, Thành phố H), xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 04/2026/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026 về việc: "Ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2026/HNGĐ-ST ngày 12/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 37/2026/QĐXX-PT ngày 25 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Trọng N, sinh năm 1975; căn cước công dân số 046075000781, cấp ngày 25/03/2021; địa chỉ: Số A đường B, tổ dân phố C, phường P, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1979; căn cước công dân số: 046179000666; địa chỉ: Số A D, tổ dân phố C, phường P, thành phố H; có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn - chị Nguyễn Thị Kim C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn Hoàng Trọng N trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Trọng N và chị Nguyễn Thị Kim C1 có thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H) vào ngày 14/02/2008. Quá trình sống chung, hạnh phúc một thời gian sau đó vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp

tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải nhau, không còn quan tâm, chăm lo lẫn nhau, vợ chồng đã hết tình cảm với nhau. Từ năm 2023, anh N và chị C sống ly thân cho đến nay. Anh N đã nộp đơn xin ly hôn nhưng qua hòa giải, đã đồng ý rút đơn để về chung sống nhưng mâu thuẫn vẫn không khắc phục được. Nay anh N không còn tình cảm với chị C, không thể trở lại chung sống với chị C nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C.

Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống anh Hoàng Trọng N và chị Nguyễn Thị Kim C có 02 người con chung là Hoàng Trọng Bảo H, sinh ngày 01/02/2009 và Hoàng Trọng Bảo K, sinh ngày 05/8/2019, trong đó cháu K bị khuyết tật nặng trẻ em và được chính quyền địa phương xác nhận. Anh N yêu cầu Toà án giao 02 người con chung cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 con chung (tức là 6.000.000 đồng/02 con chung) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Hoàng Trọng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày tháng năm và địa điểm đăng ký kết hôn như nguyên đơn (anh Hoàng Trọng N) trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 15 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau. Nguyên nhân là do anh N có tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài nên anh N đã bị kỷ luật bởi cơ quan nơi anh N làm việc. Vợ chồng thường xuyên cải nhau, anh N không có trách nhiệm, không quan tâm chăm sóc vợ, con, bỏ mặc con cái từ năm 2019 cho đến nay, ngoài ra anh N còn có hành vi đánh đập chị C và các con chung làm ảnh hưởng tinh thần 02 con chung. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Tuy nhiên, chị C thấy mâu thuẫn của vợ chồng vẫn chưa trầm trọng, hôn nhân vẫn còn cứu vãn được nên yêu cầu Toà án hoà giải đoàn tụ. Hơn nữa, vấn đề tài sản của vợ chồng chưa thỏa thuận được nên chị không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Kim C thừa nhận vợ chồng có 02 người con chung là Hoàng Trọng Bảo H, sinh ngày 01/02/2009 và Hoàng Trọng Bảo K, sinh ngày 05/8/2019, trong đó cháu K bị khuyết tật nặng trẻ em và được chính quyền địa phương xác nhận. Anh N yêu cầu Toà án giao 02 người con chung cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi thì chị C đồng ý, chị đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/01 con chung (tức là 6.000.000 đồng/02 con chung) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2026/HNGĐ-ST ngày 12/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của

Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Trọng N. Anh Hoàng Trọng N được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của chị Nguyễn Thị Kim C.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 người con chung là Hoàng Trọng Bảo H, sinh ngày 01/02/2009 và Hoàng Trọng Bảo K, sinh ngày 05/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hoàng Trọng Bảo H, sinh ngày 01/02/2009 mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hoàng Trọng Bảo K, sinh ngày 05/8/2019 mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi bản thân.

Anh Hoàng Trọng N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con và quyền kháng cáo.

Ngày 20/01/2026 (theo dấu công văn đến ngày 22/01/2026), chị Nguyễn Thị Kim C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và tại Biên bản làm việc ngày 13/02/2026, chị Kim C kháng cáo với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Trọng N, yêu cầu đoàn tụ vợ chồng giữa tôi (Nguyễn Thị Kim C) và anh Hoàng Trọng N.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi đồng ý với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2026/HNGĐ-ST ngày 12/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Huế có ý kiến:

Về kiểm sát tuân theo pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong

vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Kim C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn giữ nguyên ý kiến như trình bày tại cấp sơ thẩm và và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn-chị Nguyễn Thị Kim C về việc đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Hoàng Trọng N, yêu cầu đoàn tụ vợ chồng giữa tôi (Nguyễn Thị Kim C) và anh Hoàng Trọng N:

Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị C được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) ngày 14/02/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài, thường xuyên cãi nhau nên không thể chung sống. Từ năm 2023, anh N và chị C sống ly thân cho đến nay. Năm 2023 và năm 2025 anh N đã nộp đơn xin ly hôn chị C nhưng qua hòa giải, anh N đã đồng ý rút đơn để về chung sống nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục diễn ra không khắc phục được.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của anh N là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm, chăm lo lẫn nhau, vợ chồng đã hết tình cảm với nhau, nay anh N lại tiếp tục gửi đơn xin ly hôn chị C.

Theo chị C, nguyên nhân là do anh N có tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài nên anh N đã bị kỷ luật bởi cơ quan nơi anh N làm việc, đây là sự việc có thật và có ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng và hạnh phúc của gia đình, cũng như tâm sinh lý của các con. Bên cạnh đó, chị C cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, anh N không quan tâm chăm sóc vợ con, cuộc sống mỗi người tự lo liệu, tuy nhiên chị C không đồng ý ly hôn và yêu cầu đoàn tụ vợ chồng giữa chị C và anh N.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, nhận định của Tòa án, đủ cơ sở kết luận hôn nhân giữa anh N và chị C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không kháng cáo và đồng ý với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2026/HNGĐ-ST ngày

12/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H nên cấp phúc thẩm không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C không kháng cáo và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những căn cứ phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Kim C, và giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Huế là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn-chị Nguyễn Thị Kim C, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 14/2026/HNGĐ-ST ngày 12/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Huế, thành phố H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Trọng N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Trọng N. Anh Hoàng Trọng N được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim C, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của chị Nguyễn Thị Kim C.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 người con chung là Hoàng Trọng Bảo H, sinh ngày 01/02/2009 và Hoàng Trọng Bảo K, sinh ngày 05/8/2019 cho chị Nguyễn Thị Kim C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hoàng Trọng Bảo H, sinh ngày 01/02/2009 mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Hoàng Trọng N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hoàng Trọng Bảo K, sinh ngày 05/8/2019 mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi bản thân.

Anh Hoàng Trọng N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000377 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị C đã nộp đủ.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Thành phố Huế;
- TAND khu vực 4-Huế;
- THADS Thành phố Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Phú Bài, TpHuế;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, Lưu HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hưng Bính